

Bản án số: 71/2018/HS-ST
Ngày 28 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thanh Trà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Bằng

Bà Bùi Thị Bích Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Không Thị Đức Hậu – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Ông Lưu Văn Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Quang C (Trần Văn C, Trần Cao C), sinh ngày 10 tháng 10 năm 1975 tại xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang L, sinh năm 1953 và bà Vũ Thị V, sinh năm 1952; có vợ là Đặng Thúy H, sinh năm 1979 và 01 con sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 217 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc lập ngày 09/9/2018.

Nhân thân: Tại Bản án số 102/HSST ngày 6/ 8/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt C 5 năm 6 tháng tù về tội Chứa mại dâm. Bị cáo ra trại ngày 30/8/2005, đã nộp tiền truy thu và án phí vào tháng 3/2006. Do vậy Bản án này đến nay đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ , tạm giam từ ngày 08/9/2018 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị Đỗ Kim T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xã N1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

+ Chị Hà Thị S, sinh năm 1980; địa chỉ: X 2, xã D, huyện E, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

+ Chị Lê Thị K, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm G, xã U, huyện E, tỉnh Phú Thọ(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2018, Trần Quang C chung sống như vợ chồng với chị Đỗ Kim T, sinh năm 1984, trú tại: Xã N1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 20/7/2018, Trần Quang C thuê ngôi nhà số 696 đường U, phường Â , thành phố Y của bà Khổng Thị M, sinh năm 1966, trú tại: Thôn O, xã P, huyện I để kinh doanh quán cà phê, gọi đầu thư giãn A. Sau khi mở quán C trực tiếp quản lý và tuyển nhân viên nữ đến làm việc tại quán để đấm lưng, tắm quất và bán dâm cho khách khi có nhu cầu mua dâm, còn chị T đi làm công nhân ở Hà Nội cuối tuần mới về.

Đầu tháng 9/2018, Hà Thị S và Lê Thị K đến quán cà phê A được Trần Quang C giao việc là gọi đầu, tắm quất thư giãn và bán dâm cho khách khi có nhu cầu. Hai bên thỏa thuận C sẽ nuôi ăn, ở tại quán, mỗi lần bán dâm C thu của khách 400.000đ, trả cho K, S 200.000đ, việc trả tiền sau khi thực hiện xong việc bán dâm cho khách.

Khoảng 20h00' ngày 08/9/2018, Trần Quang C đang ở quán cà phê A thì có anh Trần Văn T1 (tự khai), sinh năm 1970, trú tại : Xã D1, huyện V1 và anh Nguyễn Văn M1(tự khai), sinh năm 1980, trú tại: Xã G1, huyện I, tỉnh Vĩnh Phúc đến. Anh M1 hỏi C “*Có gái không cho làm tí*”. C hiểu hỏi tại quán có gái bán dâm không và trả lời “*Có*”, anh Mạnh hỏi tiếp “*Giá cả thế nào*” C hiểu hỏi giá một lượt bán dâm là bao nhiêu tiền và trả lời “*400.000đ/1 người/1 lượt*”. Anh M1 đồng ý và đưa cho C 800.000đ (gồm 04 tờ tiền Polime mệnh giá 200.000đ) để trả tiền mua dâm của hai người, C cầm tiền rồi dẫn anh T1 vào phòng thứ 2 và dẫn anh M1 vào phòng thứ 3 (tính từ ngoài đi vào trong quán cà phê, gọi đầu thư giãn A). Lúc này Lê Thị K và Hà Thị S đang nghỉ tại gian gác xép của quán A thì được C gọi xuống bán dâm cho M1 và T1. Khi K và S xuống, C đưa cho mỗi người 01 bao cao su rồi bảo K vào phòng thứ 2 bán dâm cho T1, S vào phòng thứ 3 bán dâm cho M1. Khi các đối tượng K, T1, S, M1 đang quan hệ tình dục mua, bán dâm với nhau thì bị lực lượng Công an tỉnh

Vĩnh Phúc kiểm tra, phát hiện bắt quả tang tại phòng thứ 2 có K và T1, phòng thứ 3 có S và M1 đang thực hiện hành vi mua bán dâm. Cơ quan công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tang vật thu giữ gồm có:

Thu giữ trên người của Trần Quang C số tiền 800.000đ, thu giữ trong ví của C số tiền 4.185.000đ.

02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP, 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu IDA.

Đối với 02 đối tượng mua dâm tự khai là Trần Văn T1, Nguyễn Văn M1, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại các địa chỉ mà 02 đối tượng tự khai nhưng Công an xã D1, huyện V1 và Công an xã G1, huyện I, tỉnh Vĩnh Phúc đều cung cấp không có ai có tên, tuổi, nhân thân như các đối tượng đã khai. Vì vậy việc cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xem xét xử lý sau đối với T1 và M1.

Đối với Lê Thị K, Hà Thị S là gái bán dâm, đã vi phạm vào Khoản 1, Điều 23, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội. Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 200.000đ /một người. Ngày 09/10/2018 K, S đã nộp phạt tại Kho bạc nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc.

Đối với chị Đỗ Kim T hiện đang chung sống như vợ chồng với Trần Quang C. Hiện tại chị T đang làm công nhân ở Khu Công nghiệp Z, Hà Nội, chỉ cuối tuần được nghỉ chị T mới đi về ở tại quán cà phê, gọi đầu, thư giãn A. Việc Trần Quang C cho K, S bán dâm tại quán A thì chị không biết. Do vậy cơ quan điều tra không xử lý đối với chị T.

Đối với chị Không Thị M là chủ căn nhà ở số 696 đường U, phường A, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 20/7/2018 chị M cho C thuê lại toàn bộ căn nhà, khi cho thuê nhà có ký hợp đồng bằng văn bản. Sau khi thuê nhà C tuyển nhân viên nữ để hoạt động chứa mại dâm nhưng chị M không biết. Do vậy cơ quan điều tra không xử lý đối với chị M.

Tại phiên toà bị cáo hoàn toàn nhận tội và khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 74/CT-VKS-P1 ngày 07/11/2018 Viện kiểm sát nhân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Trần Quang C về tội “Chứa mại dâm” theo điểm d khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ quyền công tố luận tội đối với bị cáo Trần Quang C, giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 327,

điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Quang C nói lời sau cùng: Đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị S, Lê Thị K đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt người liên quan theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Trần Quang C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản phạm pháp quả tang, tang vật đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 20h ngày 08/9/2018 khi anh Đỗ Văn M1, Trần Văn T1 đến quán cà phê, gọi đầu thư giãn A ở số nhà 696 đường U, phường Â, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc của Trần Quang C đặt vấn đề mua dâm. C đã nhận của anh M1 số tiền 800.000đ (tiền mua dâm của 2 người) sau đó bố trí cho Lê Thị K, Hà Thị S bán dâm cho các anh M1, T1 tại 02 phòng khác nhau của quán A do C làm chủ. Khi bốn người K, T1; S, M1 đang mua bán dâm với nhau thì bị cơ quan công an phát hiện, bắt quả tang. Hành vi của bị cáo Trần Quang C đã cấu thành tội “Chứa mại dâm” với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là “chứa mại dâm 04 người trở lên” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 327 Bộ luật

hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) ...

d) Chứa mại dâm 04 người trở lên;”.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến đạo đức xã hội, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, sức khỏe của con người và là một trong những nguyên nhân làm lây truyền các loại virus gây bệnh xã hội nguy hiểm khác. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung, phục vụ tốt việc đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội ở địa phương.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Trần Quang C là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật nhưng không chịu lao động chân chính mà muốn kiếm tiền nhanh chóng trên thân thể của người phụ nữ. Chỉ vì lợi nhuận bị cáo đã liên kết với các gái mại dâm tạo thành hệ thống mại dâm để thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, tại Bản án số 102/HSST ngày 06/8/2003 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội Chứa mại dâm, bị cáo chấp hành xong hình phạt về địa phương và đã được xóa án tích nhưng bị cáo không ăn năn hối cải để tu dưỡng, cải tạo bản thân, sau một thời gian bị cáo lại tiếp tục phạm tội cùng loại. Như vậy chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Do đó phải xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn để bị cáo có thời gian cải tạo tu dưỡng bản thân, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức án đúng quy định của pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo. Do đó bị cáo được hưởng tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng...”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Trong vụ án này theo các tài liệu, chứng cứ, tang vật thu giữ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ số tiền 4.985.000đ của bị cáo Trần Quang C. Trong đó có 800.000đ là tiền do bị cáo thu từ việc Chứa mại dâm. Số tiền 4.000.000đ là của chị Đỗ Kim T đưa cho bị cáo, số còn lại do bị cáo tích lũy mà có. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 800.000đ, số tiền còn lại trả cho chị Đỗ Kim T và bị cáo.

02 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP và IDA, 02 lõi bao cao su đã qua sử dụng, hiện không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt tù, xử lý vật chứng trong vụ án. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quang C (Trần Cao C, Trần Văn C) phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Trần Quang C (Trần Cao C, Trần Văn C) 06(sáu) năm tù về tội “Chứa mại dâm”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/9/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng);
- Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP, IDA và 02 lõi bao cao su đã qua sử dụng;
- Trả lại cho chị Đỗ Kim T số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng);

- Trả lại bị cáo Trần Quang C 185.000đ (Một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.;

(Đặc điểm tang vật như biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2018)

Áp dụng Điều 135 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Quang C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án đã được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thanh Trà